

BÀI TẬP
KẾ TOÁN VIÊN SƠ CẤP (BASIC ACCOUNTING)

PHẦN 1 : MỞ ĐẦU

Tại sao các doanh nghiệp phải cần có kế toán

- 1/ Một doanh nghiệp phải có kế toán để
 - Quản lý hàng tồn kho
 - Quản lý tiền mặt
 - Quản lý công nợ phải thu phải trả
 - Quản lý nhân sự
 - Quản lý vốn đầu tư
- 2/ Kế toán thường xuyên có mặt tại đơn vị để
 - Kịp thời phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ sách kế toán
 - Đề kịp thời tiếp các đơn vị kiểm tra nếu có
- 3/ Nếu một doanh nghiệp không có kế toán thì chuyện gì xảy ra?
 - Không ai theo dõi ghi chép các nghiệp vụ phát sinh
 - Không ai quản lý giờ giấc làm việc của nhân viên
 - Không ai thực hiện nộp các báo cáo tài chính cho các cơ quan quản lý
- 4/ Thuê người làm kế toán thì phải trả lương. Mức lương phù hợp cho một kế toán khoảng
 - 2,000,000
 - 3,000,000
 - 4,000,000
 - Cao hơn

Vai trò, chức năng, nhiệm vụ công tác kế toán

- 1/ Kế toán là người theo dõi tiền và giữ tiền cho doanh nghiệp
 - Đúng
 - Sai
- 2/ Kế toán là người theo dõi tình hình kinh doanh của doanh nghiệp
 - Đúng
 - Sai
- 3/ Kế toán phải thực hiện các báo cáo thống kê của doanh nghiệp theo quy định pháp luật
 - Đúng
 - Sai
- 4/ Kế toán phải thu thập chứng từ, xử lý chứng từ và lập báo cáo kế toán
 - Đúng
 - Sai
- 5/ Kế toán phải tham mưu cho Giám đốc tình hình kinh doanh
 - Đúng
 - Sai
- 6/ Kế toán phải theo dõi các vấn đề quy trình kỹ thuật trong doanh nghiệp
 - Đúng
 - Sai

Các nguyên tắc kế toán

- 1/ Nguyên tắc trọng yếu là nguyên tắc nói đến việc ghi chép số liệu chỉ ghi các vấn đề trọng yếu
 - Đúng
 - Sai
- 2/ Nguyên tắc phù hợp là nguyên tắc bàn đến sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí
 - Đúng
 - Sai
- 3/ Nguyên tắc thận trọng khuyên kế toán nên cẩn thận khi ghi sổ
 - Đúng
 - Sai
- 4/ Nguyên tắc kỳ kế toán là quy ước kế toán phải có kỳ kế toán (niên độ tài chính)
 - Đúng
 - Sai

Các đối tượng kế toán

1/ Tài sản cố định là đối tượng của kế toán

Đúng Sai

2/ Tiền lương là đối tượng của kế toán

Đúng Sai

3/ Nhân sự là đối tượng của kế toán

Đúng Sai

4/ Giám đốc là đối tượng của kế toán

Đúng Sai

5/ Vốn chủ sở hữu là đối tượng của kế toán

Đúng Sai

Các phương pháp hạch toán kế toán

1/ Khi muốn phản ánh một nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán cần chứng từ. Vì thế, chứng từ là một phương pháp của kế toán.

Đúng Sai

2/ Nếu một nghiệp vụ không có chứng từ phản ánh, kế toán không thể ghi nhận nghiệp vụ đó. Vì lẽ đó, phương pháp chứng từ là một phương pháp không thể thiếu?

Đúng Sai

3/ Khi thực hiện ghi chép kế toán, kế toán phải có cơ sở để ghi tăng bên này hay giảm bên kia. Thế nên phương pháp đối ứng tài khoản là phương pháp không thể thiếu?

Đúng Sai

4/ Một lượng tiền giảm đi và một tài sản tăng lên (một nghiệp vụ mua sắm nào đó), nên phải ghi lên 3 tài khoản đối ứng nhau?

Đúng Sai

5/ Một kế toán mua 1 lô hàng trị giá 200đ. Chi phí vận chuyển hết 20đ. Anh ta ghi nhận giá trị lô hàng là 220đ. Kế toán này dùng phương pháp gì trong kế toán khi ghi nhận nghiệp vụ ?

PP Chứng từ PP đối ứng tài khoản PP tính giá

6/ Khi mua 100l xăng đổ vào một cái bồn, giá mua 100đ. Sau đó mua tiếp 100l xăng đổ vào đó nữa nhưng giá kỳ này là 105đ. DN rút ra từ bồn 150l. Kế toán suy tư cách thức xác định giá lô 150l đó để ghi vào sổ giá trị xuất kho. Đó có phải là vận dụng phương pháp tính giá không?

Đúng Sai

7/ Vào ngày cuối cùng của kỳ kế toán, Giám đốc hỏi kế toán là *Chi phí quảng cáo của chúng ta là bao nhiêu*, kế toán mới lọc ra tất cả các nghiệp vụ liên quan đến quảng cáo để xác định chi phí quảng cáo. Anh chợt nhớ là thường thường khi ghi nhận chi phí quảng cáo, anh hay dùng tài khoản 6417 để ghi nhận. Thế nên anh tập hợp giá trị các nghiệp vụ ghi vào tài khoản 6417 để báo cáo Giám đốc chi phí quảng cáo. Đó là PP tổng hợp tài khoản?

Đúng Sai

8/ Trong báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có một chỉ tiêu “Doanh thu”. Tập hợp các giá trị phát sinh trên tài khoản doanh thu để ghi nhận vào mục này là dùng phương pháp tổng hợp cân đối ?

Đúng Sai

9/ Các tài liệu về tài sản và nguồn vốn vào đầu năm 2004 của công ty An Phong như sau:
(đơn vị 1.000)

- a. TSCĐ hữu hình 600.000
- b. Phải trả cho người bán 33.000
- c. Tiền mặt 10.000
- d. Thành phẩm 30.000
- e. Nguồn vốn kinh doanh 510.000
- f. Vay ngắn hạn 51.000
- g. Tiền gửi ngân hàng 29.000
- h. Lợi nhuận chưa phân phối x
- i. Phải thu của khách hàng 16.000
- j. Nguyên vật liệu 25.000
- k. Vay dài hạn 95.000

Yêu cầu: Tính x.

10/ Tại công ty Hưng Phú có các tài liệu sau đây: (đơn vị tính: 1.000 đ)

- 1) Nhà xưởng 400.000
- 2) Nguyên vật liệu 350.000
- 3) Nguồn vốn đầu tư XDCB 275.000
- 4) Phải nộp cho nhà nước 25.000
- 5) Phải thu của khách hàng 50.000
- 6) Tiền mặt 40.000
- 7) Xăng 30.000
- 8) Các loại máy đánh chữ 50.000
- 9) Tủ, bàn, ghế 50.000
- 10) Lãi chưa phân phối 30.000
- 11) Quỹ đầu tư phát triển 50.000
- 12) Vay ngắn hạn NH 250.000
- 13) Các loại máy tính 50.000
- 14) Dầu 50.000
- 15) Tiền gửi NH 100.000
- 16) Phương tiện vận tải 200.000
- 17) Phải trả người cung cấp (người bán) 100.000
- 18) Tạm ứng 5.000
- 19) Máy móc thiết bị 400.000
- 20) Phụ tùng thay thế 45.000
- 21) Phải trả công nhân viên 90.000
- 22) Nguồn vốn kinh doanh 1.270.000
- 23) Sản phẩm dở dang 20.000
- 24) Kho tàng 200.000
- 25) Các khoản phải trả khác 30.000
- 26) Các khoản phải thu khác 30.000

- 27) SP hoàn thành (thành phẩm) 30.000
- 28) Quỹ khen thưởng 30.000
- 29) Các loại dụng cụ nhỏ khác 60.000
- 30) Quỹ phúc lợi 30.000
- 31) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ 20.000

Yêu cầu : Phân biệt tài sản và nguồn vốn. Xác định tổng số.

11/ Tình hình tài sản và nguồn vốn tại công ty Lan Anh vào ngày 1/12/2003 như sau (đơn vị: 1000 đ)

- 1) Quyền sử dụng đất 500.000
- 2) Vật liệu chính 100.000
- 3) Phải nộp cho Nhà Nước 20.000
- 4) Vay ngắn hạn 80.000
- 5) Máy móc thiết bị 700.000
- 6) Tạm ứng 5.000
- 7) Vật liệu phụ 15.000
- 8) Lợi nhuận chưa phân phối 150.000
- 9) Quỹ đầu tư phát triển 30.000
- 10) Phải trả, phải nộp khác 20.000
- 11) Vay dài hạn 200.000
- 12) Nhiên liệu 10.000
- 13) Phải thu của khách hàng 30.000
- 14) Bằng phát minh sáng chế 200.000
- 15) Phải trả cho người bán 30.000
- 16) Nguồn vốn kinh doanh 1.550.000
- 17) Nhà cửa, vật kiến trúc 350.000
- 18) Công cụ, dụng cụ 20.000
- 19) Sản phẩm dở dang 10.000
- 20) Quỹ khen thưởng, phúc lợi 20.000
- 21) Các loại chứng khoán 50.000
- 22) Phương tiện vận tải 150.000
- 23) Thành phẩm 50.000
- 24) Hàng gửi đi bán 30.000
- 25) Nợ dài hạn 350.000
- 26) Quỹ dự phòng tài chính 20.000
- 27) Tiền gửi ngân hàng 250.000

Yêu cầu :

- 1/ Phân biệt tài sản và nguồn vốn. Xác định tổng số
- 2/ Phân biệt tài sản lưu động và tài sản cố định
- 3/ Phân biệt nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu